

Sơ lược tiểu sử 13 vị Tổ của Tông Tịnh Độ

ISSN: 2734-9195 09:05 06/02/2025

Khi đọc được những công hạnh cao thượng, tốt đẹp của 13 vị tổ của Tịnh Độ tông này, chúng ta đều cảm phục và có ý định phát tâm học tập theo gương sáng của các Ngài.

- Tác giả: **Thích Nữ Minh Tâm** cung soạn.

- **Nhà Xuất bản Văn Hóa - Nghệ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 2016.**

- Trích soạn theo “Ngôn Hạnh Cao Đẹp của 13 vị Tổ Tịnh Độ” của **Lương Vĩnh Khang** và “MẤY ĐIỀU SEN THANH” của **Hòa Thượng Thích Thiện Tâm.**

(Trích sách “TỊNH ĐỘ TẬP YẾU”)

Dưới đây là phần trích từ sách:

1. Đại sư Huệ Viễn - Tổ Liên Tông thứ nhất - đời Tấn

Đại Sư họ Giả, người Nhạn Môn, thuở nhỏ đã bắt lăm Lục Kinh và học thuyết Lão, Trang.

Năm mười một tuổi, nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã, Sư liễu ngộ mà xuất gia, lấy việc hoằng pháp lợi sinh làm nghĩa vụ trọng yếu.

Sau khi vào Lô Sơn, thấy phong cảnh đẹp để nhàn tịch, Sư bèn kết cỏ tranh làm nhà, giảng kinh Niết Bàn.

Kính phục tài đức của Sư, quan Thứ sử Hoàn Y tâu lên vua, xin lập một ngôi Phật tự.

Lòng chí thành của ông cảm đến long thiên, giông tố nổi lên, chuyển cây đến dựng chùa Đông Lâm, đào ao trồng sen, nên gọi là Liên xã.

Sư tập hợp chúng, sáu thời NIỆM PHẬT cầu sanh Tây phương Cực Lạc.

Đây là sự khởi đầu hình thành Liên tông ở Trung Quốc.

Vào cuối đời của Viễn Công, những người nhập Liên xã tu Tịnh nghiệp được vắng sanh rất nhiều.

Từ đó, chùa Đông Lâm trở thành trung tâm Phật giáo phương Nam.

Năm thứ mười hai niên hiệu Nghĩa Hi, ngài Viễn Công thấy Phật xuất hiện.

Ngài liền đoan tọa nhập diệt, thọ tám mươi ba tuổi.

Sư nói:

“Thế nào là niệm Phật tam-muội?

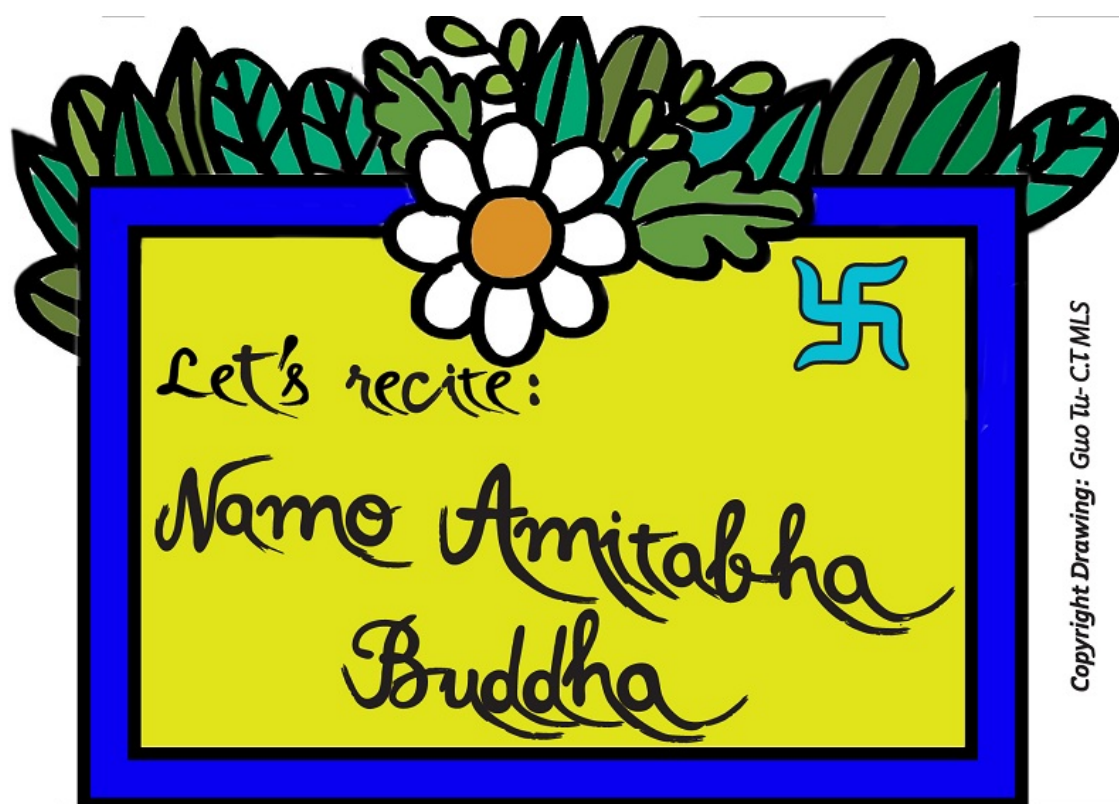
Niệm Phật tam-muội là ý chuyên nhất, tưởng vắng lặng.

Ý chuyên nhất thì tâm không tán loạn, tưởng vắng lặng thì thân sáng, khí nhẹ.

Khí nhẹ thì thân tâm khinh an, thân sáng thì không gì không thấu triệt.

Đây chính là diệu dụng tự nhiên của định-tuệ hợp nhất.”

--



Trong Cao Tăng truyện nói:

“Ngài Viễn Công thân sắc nghiêm dung, tiếng nói êm dịu.

Khuôn mặt vuông vắn, cương nghị, ai trông thấy cũng kính sợ.”

Tuy xiển dương Tịnh Độ, Đại Sư vẫn lưu tâm đến các pháp môn khác, viết nhiều bài tựa về kinh luận, và hoàn thành nhiều tác phẩm như sau:

1. Đại Trí Luận Yếu Lược (20 quyển).
2. Pháp Tánh Luận.
3. Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận.
4. Đại Thừa Nghĩa Chương (3 quyển).
5. Thích Tam Bảo Luận.
6. Minh Báo Ứng Luận.
7. Sa Môn Đản Phục Luận.
8. Biện Tâm Thức Luận.
9. Phật Ảnh Tán.
10. Du Lô Sơn Thi.
11. Lô Sơn Lược Ký.
12. Du Sơn Ký.

Một bậc tuyệt luân cái thế như vậy, ai cũng kính phục.

Chẳng phải là người phàm thường, chắc chắn cuộc đời của Ngài rất đặc biệt.

Thật xứng đáng để chúng ta noi theo.

2. Đại sư Thiện Đạo - Tổ Liên Tông thứ hai - đời Đường

Đại Sư người Lâm Truy.

Giữa niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Sư đến chùa Huyền Trung ở Tây Hà, yết kiến ngài Đạo Xước.

Sau khi đến Đạo tràng Tịnh Độ cứu phẩm, nghe giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, Sư tinh cần khổ hạnh, phát tâm NIỆM PHẬT.

Sau đó đến kinh đô, Sư khuyến khích, sách tấn bốn chúng, thuyết pháp ở chùa Quang Minh.

Sư chép hơn mười vạn quyển kinh A Di Đà, họa hơn ba trăm bức tranh Tây phương Thánh cảnh.

Sư cảm hóa vô số Tăng- tục. Người được tam-muội VẮNG SANH TỊNH ĐỘ rất nhiều.

Mỗi một tiếng NIỆM PHẬT của Sư đều có một luồng hào quang từ miệng phóng ra, nên thế gian tôn xưng ngài là đại sư Quang Minh.

Trong Lâm thụ nhập quán lễ tưởng phát nguyện văn có ghi lời phát nguyện của Sư như sau:

“Đệ tử chúng con là kẻ phàm phu sanh tử, tội chương sâu dày. Luân hồi sáu nẻo, khổ không thể nói.

Nay gặp bậc tri thức, được nghe danh hiệu và bốn nguyện của đức Phật A Di Đà, nhất tâm xưng niệm.

Câu nguyện vãng sinh.

Nguyện Phật từ bi tiếp độ, thương xót cứu vớt.

Đệ tử chúng con chẳng biết tướng hảo quang minh của thân Phật.

Xin Ngài thị hiện cho chúng con được thấy,

Và xin được thấy đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, các chúng Bồ Tát và tướng vi diệu quang minh trang nghiêm thanh tịnh trong thế giới này.”

--

Theo LONG THƯ TỊNH ĐỘ nói:

“Mỗi khi vào Phật đường, Sư chấp tay quỳ thẳng, nhất tâm niệm Phật, chưa kiệt sức thì không nghỉ.

Tuy trời rét lạnh nhưng áo Sư vẫn ướt đầm mồ hôi.

Sư luôn hết lòng dạy PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ cho đại chúng,.

Không lúc nào mà không làm lợi ích cho chúng sanh.

Hơn ba mươi năm, Sư lưng không dính chiếu, hành đạo Bát-chu, lễ Phật mười phương.

Sư cho đây là nhiệm vụ của mình.

Sư nghiêm trì tịnh giới, một lỗi nhỏ cũng không để phạm.

Mắt chưa từng liếc nhìn người nữ, dứt tuyệt danh lợi, tránh xa các nơi đàm luận hý tiểu.

Được cúng dường y phục, vật thực hảo hạng, Sư đều đem bố thí, cúng lại cho đại chúng.

Còn mình thì ăn đồ thô dở.

Giới hạnh của Sư ai cũng ngưỡng mộ.”

--

Một hôm, Sư lên cây liễu, nhìn về phía Tây, thâm nguyện:

“Xin đức Phật tiếp dẫn con vắng sanh Tịnh Độ”.

Rồi thả mình mà tịch, thọ sáu mươi chín tuổi.

Trước tác của Đại Sư để lại có Quán kinh sơ, Vãng sanh lễ tán, Pháp ngữ, v.v...

3. Đại sư Thừa Viễn - Tổ Liên Tông thứ ba - đời Đường

Đại Sư người Miên Trúc, tỉnh Tứ Xuyên.

Năm hai mươi bốn tuổi, Sư đến núi Ngọc Tuyên ở Kinh Châu, xuống tóc học đạo với ngài Huệ Chơn.

Vâng lời thầy dạy, Sư đến Hành Sơn truyền giáo, số người được Sư giáo hóa lên đến cả vạn.

Sư chỉ dùng chuyên nhất Pháp môn NIỆM PHẬT để khai đạo đồ chúng.

Hôm ấy, nghe ngài Tuệ Nhứt đến Quảng Châu giáo hóa, Sư liền đến cầu giáo.

Ngài Tuệ Nhứt không dạy gì khác, chỉ khuyên Sư nên y theo kinh Vô Lượng Thọ mà tu niệm Phật tam- muội để cứu độ chúng sinh.

Từ đấy, Sư dứt hết các duyên, chuyên tu Tịnh độ.

--



Vào năm đầu niên hiệu Thiên Bảo, Sư trở về núi Hành sơn, lập tinh xá lấy hiệu là ADi Đà Đài, chỉ an trí kinh tượng.

Sư ăn mặc thô sơ, tinh cần tu khổ hạnh, thường thấy Thánh cảnh, lấy việc chuyên trì Danh Hiệu Phật làm hạnh chính yếu;

Lấy sự bố thí, trì giới làm hạnh phụ trợ.

Trong Tịnh Nghiệp Vựng Biên nói:

“Sư khắc quyển sách pháp môn chuyên NIỆM PHẬT vào vách khe suối, mà chẳng cần một sự giúp đỡ chi viện nào, không cầu mà vẫn đủ, không xin mà vẫn thừa.

Tất cả các vật sở hữu của Sư, Sư đều đem bố thí cho những người nghèo thiếu, bệnh tật;

Còn mình thì ở dưới hang đá, ăn bùn đất cây cỏ, nên thân hình gầy yếu, má hóp xám xanh tợ như người tiêu phu nghèo đói củi.

Thanh danh Sư vang lừng khắp nơi. Thiên tử có ý thỉnh cầu Sư, song không thể được.

Có thể nói, Sư là một bậc mô phạm nghiêm minh.”

Bậc cổ đức hành khổ hạnh, thật xứng đáng làm khuôn mẫu cho đời.

Vào năm thứ mười tám niên hiệu Trinh Nguyên, Sư viên tịch, thọ chín mươi mốt tuổi.

4. Đại sư Pháp Chiếu - Tổ Liên Tông thứ tư - đời Đường

Đại Sư ở chùa Vân Phong huyện Hành Châu.

Là Quốc sư của triều Đường Đại Tông.

Tông chỉ sở hành của Sư là từ bi, nhẫn nhục, từ ái, thiên định.

Sư từng thấy Thánh cảnh Ngũ Đài hiện trong bát cháo của mình.

Sau đó, Sư đến Ngũ Đài Sơn, diện kiến đức VẤN THỪ Bồ Tát.

Tại Lô Sơn, trong lúc nhập định, Sư được nghe pháp môn NIỆM PHẬT, thân thức đạo nơi cảnh Cực Lạc.

Sư thấy ngài Thừa Viễn đứng hầu bên cạnh đức Phật A Di Đà.

Giữa năm Vĩnh Thái, Sư đến Hành sơn, hầu ngài Thừa Viễn, thọ giáo pháp môn TỊNH ĐỘ.

Theo trong sách Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Tụng Kinh Quán Hạnh Nghi do Sư trước tác, nói:

“Ngày mười lăm tháng tư năm thứ hai niên hiệu Vĩnh Thái, tại Di Đà Đài huyện Nam Nhạc, Sư phát nguyện rộng lớn.

Thệ trọn đời này, cứ chín mươi ngày trong mỗi mùa Hạ, là nhập đạo tràng NIỆM PHẬT TAM-MUỘI.

Mùa Hạ năm ấy, đến ngày thứ hai mươi bảy, Sư thấy Phật, được đức Phật A Di Đà chỉ dẫn cho pháp Ngũ hội NIỆM PHẬT.”

Năm Đại Lịch thứ tư, Đại Sư mở đạo tràng NIỆM PHẬT tại chùa Hô Đông.

Ngày khai hội cảm mây lành giăng che chốn đạo tràng.

Trong mây hiện ra cung điện lâu các.

Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư không.

Khắp thành Hoành Châu, bá tính trông thấy đều đặt bàn đốt hương đánh lễ.

Cảnh tượng ấy hiện ra giây lâu mới ẩn mất.

Do điềm lành này, rất nhiều người phát tâm tinh tấn niệm Phật.

Đạo tràng khai liên tiếp được năm hội.

Triều vua Đức Tông, Pháp Chiếu đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại Tinh Châu, cũng liên tiếp được năm hội.

Mỗi đêm vua và người trong cung nghe tiếng NIỆM PHẬT rất thanh thoát từ xa đưa vẳng lại.

Sau khi cho người dò tìm, được biết đó là tiếng NIỆM PHẬT ở đạo tràng tại Tinh Châu, nhà vua phái sứ giả mang lễ đến thỉnh ngài vào triều.

Ngài mở đạo tràng NIỆM PHẬT tại hoàng cung, cũng gồm năm hội.

Vì thế, người đương thời gọi ngài là Ngũ Hội Pháp Sư.

--

Từ đó Đại Sư tinh tấn tu hành, ngày đêm không trễ.

Một đêm nọ ngài thấy hóa thân một vị Bồ Tát đến bảo:

“Hoa sen công đức của ông nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc đã thành tựu.

Ba năm sau là đúng thời kỳ hoa nở, ông nên chuẩn bị”.

Đến kỳ hạn, Đại Sư gọi Tăng chúng lại căn dặn rằng:

“Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu!”

Nói xong, ngài ngồi ngay yên lặng mà tịch.

5. Đại sư Thiếu Khang - Tổ Liên Tông thứ năm - đời Đường.

Thiếu Khang đại sư họ Châu, người đời nhà Đường, ở vùng núi Tiên Đô xứ Tấn Vân.

Từ buổi sơ sinh, ngài im lặng không nói.

Năm bảy tuổi, nhân lễ trai hội, ngài theo mẹ vào chùa lạy Phật.

Bà chỉ tượng Phật hỏi đùa rằng:

“Con có biết đó là ai chăng?”

Ngài bỗng ứng tiếng đáp: “Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn!”

Biết con mình có duyên lành với Phật pháp, cha mẹ ngài liền cho đi xuất gia.

Căn cơ linh mẫn, đến mười lăm tuổi, ngài đã thông suốt được năm bộ kinh.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu, Đại Sư đến viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương.

Thấy chỗ để sách trong đại điện phóng quang, ngài lại tìm xem, thì ánh sáng ấy phát xuất từ tập văn Tây phương Hóa Đạo của THIÊN ĐẠO Hòa thượng.

Ngài liền khẩn rằng:

“Nếu tôi có nhân duyên với Tịnh Độ, nguyện tập văn này phóng quang một lần nữa!”

--



Copyright Drawing:
Guo Xu-C.T.MLS



Pure Land
Practitioner

Vừa dứt lời, ánh sáng lại càng chiếu ra rực rỡ.

Trong ấy ẩn hiện hình dạng các hóa Bồ Tát, ngài chấp tay nói:

“Kiếp đá có thể mòn. Nguyện này thề không dời đổi!”

Nhân đó, Đại Sư đến Trường An chiêm lễ, di tượng của Nhị Tổ bỗng bay lên, bảo ngài rằng:

“Ông nên y theo lời dạy của ta mà phổ độ chúng sanh.

Ngày kia công thành, sẽ sanh về Cực Lạc!” .

Đi ngang qua Giang Lăng, ngài gặp một sư cụ. Sư cụ bảo:

“Ông muốn hoằng hóa nên sang xứ Tân Định. Cơ duyên ở nơi đó!”

Nói xong bỗng biến mất.

Sau thời gian ấy, Đại Sư đến Tân Định, thấy người xứ này chưa biết NIỆM PHẬT là gì.

Dùng phương tiện, ban sơ ngài quyền tiên dẫn dụ trẻ con niệm Phật.

Nếu trẻ nào niệm Phật được một câu; ngài liền thưởng cho một đồng tiền.

Như thế hơn một năm, rồi không cần thưởng tiền, bọn trẻ cũng niệm.

Tập quán dần quen, về sau lúc gặp Đại Sư khi ở trong nhà hay đi ngoài đường, chúng cũng vẫn niệm.

Từ đó, nam nữ, già trẻ hễ thấy ngài, đều niệm: “A Di Đà Phật!”

Nhân sự việc này, dân chúng vùng ấy lần lượt phát tâm thờ cúng NIỆM PHẬT rất nhiều.

--

Thấy cơ duyên đã có phân thuận thực, Đại Sư thành lập Tịnh Độ đạo tràng ở Ô Long Sơn, xây đàn tam cấp.

Cứ đến ngày trai, thiện nam tín nữ đều họp nơi đó để NIỆM PHẬT nghe pháp.

Thường thường số người họp có trên ba ngàn.

Mỗi khi thăng tòa, ngài chấp tay to tiếng NIỆM PHẬT thì đại chúng ở dưới đều xướng niệm hòa theo.

Có lúc Đại Sư xưng một câu Phật hiệu, hội chúng thấy một đức Phật từ miệng ngài bay ra.

Niệm đến mười câu, trăm, ngàn câu đều có mười, trăm, ngàn vị Phật bay ra, liên tiếp như râu chuỗi.

Đại Sư bảo:

“Quý vị đã được thấy Phật, chắc chắn đều sẽ vãng sanh.”

Mọi người nghe nói đều có cảm niệm vui mừng, an ủi.

Năm Trinh Nguyên thứ hai mươi mốt, vào tháng 10, Đại Sư họp hết hàng đạo tục đến dặn bảo rằng:

“Các vị nên phát tâm chán lìa cõi Sa Bà ác trước, ưa thích miền Tịnh Độ an vui mà cố gắng tu hành tinh tấn.

Giờ phút này ai thấy được quang minh của ta, kẻ ấy mới thật là hàng đệ tử”.

Nói xong, ngài chấp tay viên tịch.

Toàn thân phóng quang rực sáng.

Đại chúng xây tháp thờ ngài ở Đài Nham, tôn hiệu là Đài Nham Pháp sư.

6. Đại sư Vĩnh Minh - Tổ Liên Tông thứ sáu - đời Tống

Đại Sư người Tiên Đường, họ Vương, hiệu Diên Thọ, tự Sung Huyền.

Vào thời Ngũ Đại, Sư làm quan giữ kho, lấy tiền của quan quân mua chim cá phóng sanh, nên bị xét xử tử hình.

Sắp đến giờ hành hình mà thân sắc của Sư vẫn không biến đổi.

Trước tinh thần vô úy của Sư, Ngô Việt Vương rất cảm phục nên phóng thích.

Sau đó Sư xuất gia, nương thiên sư Thúy Nham tu học, kể đến tham chiếu với Thiên Quốc sư.

Sư từng tinh cần miên mật hành Pháp Hoa sám hai mươi mốt ngày, mộng thấy đức Bồ Tát Quán Thế Âm dùng cam lộ rưới vào miệng, liền được biện tài vô ngại.

Sư đã trước tác Tông cảnh lục, Vạn thiện đồng quy tập ... đều nói về tông chỉ Tịnh độ.

Năm Kiến Long thứ hai, đời nhà Tống, vua Trung Ý thỉnh Sư trụ trì chùa Vĩnh Minh.

Sư lập thời khóa công phu thật miên mật, ban ngày làm trăm lễ tám việc.

Tối đến, sư lên một ngọn núi gần chùa niệm Phật.

Tiếng NIỆM PHẬT hòa cùng với tiếng nhạc trời trôi trên hư không lúc trầm lúc bổng. Mọi người ở đây ai cũng cảm phục.

Sư ở chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ được một ngàn bảy trăm đệ tử xuất gia.

Vào Thiên Đài, Sư truyền giới cho hơn vạn người, thường cùng bảy chúng thọ Bồ-tát giới.

Chiều tối thí thực cho các loài quỷ thân, và thường mua chim, cá ... phóng sanh.

Sư hành đạo cả sáu thời, trọn đời đã tụng một vạn ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa.

Đại Sư lại vì người đương thời còn phân vân giữa Thiên và Tịnh, chưa biết tu môn nào được kết quả chắc chắn.

****Nên Ngài làm kệ Tứ Liệu Giản để so sánh sự lợi- hại như sau:**

“- CỐ THIÊN, KHÔNG TỊNH ĐỘ: Mười người, thì chín người bị lạc.

Khi ẩm cảnh hiện ra, liền phải đi theo nó.

- KHÔNG THIÊN, CỐ TỊNH ĐỘ: Vạn người tu đều cùng thành.

Thấy được đức A Di Đà;

Lo gì không khai ngộ.

- CỐ THIÊN, CỐ TỊNH ĐỘ: Giống như hổ mọc thêm sừng,

Hiện tại làm thầy người,

Tương lai làm Phật, Tổ.

- KHÔNG THIÊN, KHÔNG TỊNH ĐỘ: Đồi đồi năm giường sắt;

Kiếp kiếp ôm trụ đồng;

Chẳng có nơi nương tựa.”

--

Sư giảng nói lưu loát, kiến giải tinh thâm tột đỉnh.

Những tác phẩm của Sư có giá trị bất hủ.

Đúng là một bậc học Phật trí đức viên dung, tài hoa trước thuật.

Niên hiệu Khai Bảo thứ tám, ngày 26 tháng 2 vào buổi sáng sớm, Đại Sư lên chánh điện đốt hương lễ Phật.

Lễ xong, ngài họp đại chúng lại dặn dò khuyên bảo.

Rồi ngài kiết già trên pháp tòa mà thị tịch, thọ được bảy mươi hai tuổi.

7. Đại sư Tính Thường - Tổ Liên Tông thứ bảy - đời Tống

Vào đời Tống, tín ngưỡng Tịnh Độ đã ăn sâu trong nhân gian.

Đặc biệt rất thịnh hành ở vùng Chiết Giang phương nam.

Người đầu tiên sáng lập hội niệm Phật ở đây là đại sư Tĩnh Thường.

Đại Sư Tĩnh Thường, tự Thấu Vi, người đời Tống, con nhà họ Nhan ở Tiền Đường.

Khi lên bảy, ngài gặp duyên lành xuất gia và mới mười bảy tuổi đã thọ giới Cụ túc.

Vào giữa niên hiệu Thuần Hóa, Sư trụ trì viện Chiêu Khánh ở Tây hồ, khắc tượng Phật A Di Đà bằng gỗ chiên đàn.

****Ngài chích thân lấy máu chép phẩm TỊNH HẠNH trong kinh HOA NGHIÊM.**

Vì ngưỡng mộ đạo phong của ngài Viễn Công ở Lô sơn, nên Sư kết xã “Tịnh Hạnh” chuyên tu Tịnh nghiệp.

Sư lại điều khắc tượng Phật TỶ LÔ GIÁ NA bằng gỗ chiên đàn hương.

Sau khi điều khắc xong, Sư quỳ trước tượng phát nguyện:

“Kể từ ngày nay, con và đại chúng phát Bồ-đề tâm.

Nguyện đời đời kiếp kiếp hành Bồ-tát đạo,

Nguyện khi xả báo thân này, liên sanh về cõi An dưỡng Cực Lạc”.

Với đại nguyện kiên định, giới hạnh nghiêm minh, thanh danh của Sư cảm động cả đất trời.

Từ cung đình cho đến làng mạc, nhiều vị tăng sĩ, quan quân, thân sĩ quý tộc tìm đến kết giao học đạo.

Người đương thời không ai không biết Sư.

Sư trì giới luật tinh nghiêm, chuyên niệm danh hiệu Phật, phát Bồ-đề tâm, kết xã niệm Phật, động viên khích lệ mọi người tu tập.

Nổi tiếng bốn phương nhưng ít trước thuật.

Năm Thiên Hy thứ tư, ngày 12 tháng Giêng, theo thường khóa, Đại Sư ngồi kiết già niệm Phật.

Giây lát, bỗng nói to lên rằng:

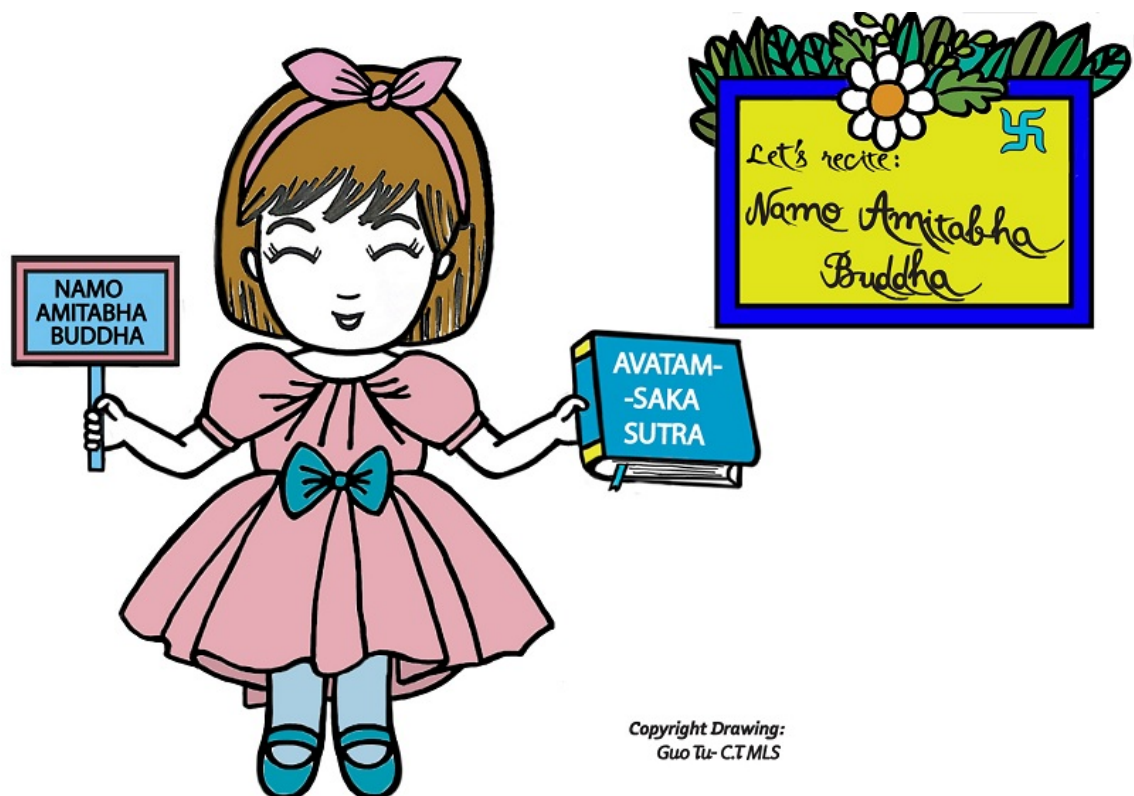
“Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!”

Rồi ngồi yên mà hóa, thọ 62 tuổi.

Trong giờ ngai thị tịch, đại chúng thấy mặt đất biến thành sắc vàng ròng.

Rất lâu mới hoàn phục như cũ.

--



Trong sách Phật cư sĩ, Tổ sư Ấn Quang đã giảng giải cho chúng ta hiểu một cách đúng đắn rằng:

“Việc trước tác là tùy theo tâm nguyện của mỗi người.

Chúng ta nhất định không thể đánh giá phẩm chất đạo đức tốt xấu của người ấy qua việc họ trước tác được nhiều hay ít.

Xưa nay, các bậc hiền bày Pháp thân ít dùng ngôn từ câu cú, không có trước tác.

Lẽ nào chúng ta lại nghi ngờ được sao?

Chúng ta biết rằng muốn thoát ly sanh- tử, thật ra chẳng phải ở chỗ nói nhiều.

Mà chỉ cần một mực thâm tín, nguyện tha thiết, chí thành niệm Phật câu sanh Tây phương là đủ.

Song, cho dù đọc hết Đại tạng kinh đi nữa, thì chẳng qua cũng chỉ để hoàn thành việc GIẢI THOÁT mà thôi”.

8. Đại sư Liên Trì - Tổ Liên Tông thứ tám - đời Minh

Sư họ Trâm húy Châu Hoằng, hiệu Liên Trì, người quận Nhân Hòa thuộc tỉnh Hàng Châu.

Năm mười bảy tuổi, Sư làm giáo thọ dạy cho các thư sinh trong vùng.

Đang độ tuổi thanh xuân, Sư thể phát xuất gia với Hòa thượng Tánh Thiên.

Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư đi tham kiến thiện tri thức ở khắp nơi.

Khi Sư đến Ngũ Đài Sơn lễ bái thì cảm ứng ngài Văn Thù phóng quang.

Niên hiệu Long Khánh thứ năm, Sư chọn núi Vân Thê ở Hàng Châu, chuyên tu NIỆM PHẬT TAM MUỘI, giáo hóa kẻ xa người gần.

Tăng tục vân tập tạo thành một Tông lâm lớn.

Quanh vùng núi này hổ lang hung dữ, Sư tụng kinh, thí thực cho muôn loài, trừ được hoạn cầm thú phá hoại cho dân.

Vào những năm đại hạn mất mùa, Sư đi dọc bờ ruộng NIỆM PHẬT.

Bước đến đâu thì mưa rơi đến đó.

Đại Sư tuy đã tỏ thiên cơ, nhưng xét thấy căn lực người thời mạt pháp kém yếu, kẻ nói lý thì nhiều song ngộ lý thật rất ít.

Vì muốn lợi mình và người, nên ngài chủ trương Tịnh Độ, cực lực bác bỏ Cường Thiên.

Bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao do ngài trước tác, dung hòa cả sự lý gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất là uyên áo.

Năm Vạn Lịch thứ mười hai, Sư biên soạn tập sách Vãng sanh, ghi lại sự tích những người VẮNG SINH từ xưa đến nay.

Hai mươi năm ở chùa Tịnh Từ thuộc tỉnh Hàng Châu, Sư khai pháp, mở giới đàn truyền giới cho Tăng tục, đào ao phóng sanh, chế văn giới sát sanh.

Đến nay vẫn còn lưu truyền.

Sư dùng pháp môn NIỆM PHẬT nhiếp hóa tất cả các căn cơ, đề xướng TỊNH ĐỘ.

Không biết bao nhiêu người đã được thấm nhuần ân đức giáo hóa của Sư.

Đại Sư trước tác rất nhiều tác phẩm như:

A Di Đà kinh sớ sao (4 quyển), Vãng sanh tập (3 quyển), Tịnh độ nghi biện (1 quyển), Thiên quan sách tấn (2 quyển), Phạm võng kinh giới sớ phát ân (5 quyển), Lăng già kinh mô tượng ký (1 quyển), Truy môn sùng hạnh lục (1 quyển), Sơn phòng tạp lục (3 quyển), Trúc song tùy bút (2 quyển)...

Toàn tập gọi là “Vân thê pháp vị”, tính tổng cộng là 32 quyển.

Dưới đây chỉ ghi lại vài lời pháp ngữ tu trì Tịnh nghiệp của Đại Sư:

“Đấng đại Thánh xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu.

Bởi vì phép xưng danh rất dễ.

Nếu có thể giữ mỗi niệm nối nhau, lấy suốt đời làm hạnh, thì mười người tu, mười người vãng sinh, trăm người tu, trăm người vãng sinh.

Tại sao thế?

Vì không có duyên tạp nên được chính niệm,

Vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau, vì không trái với kinh giáo, vì thuận theo lời Phật.

Nếu bỏ chuyên niệm mà tạp tu trong trăm người may ra được một hai người, trong ngàn người hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi”.

--

*“Người niệm Phật, khi lâm chung CHƠ NÊN SỢ CHẾT.

~Phải thường nghĩ rằng:

THÂN NAY KHÔNG SẠCH, CHỊU NHIỀU SỰ KHỔ.

NẾU ĐƯỢC BỎ HUYỀN THÂN MA SANH VỀ TỊNH ĐỘ.

CHÍNH LÀ ĐIỀU ĐÁNG VUI MỪNG!”

Vào độ cuối tháng 6 năm thứ 43 niên hiệu Vạn Lịch, nhân lúc bệnh nặng, Đại Sư liền soạn ra “Ba điều đáng tiếc và mười điều đáng than”

Mục đích để cảnh sách đại chúng và dặn đi dặn lại phải “luôn luôn NIỆM PHẬT”.

Sau đó Đại Sư vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu, nói:

“Tôi sắp đi nơi khác!”

Rồi ngài trở về chùa thiết tiệc trà từ giả đại chúng.

Mọi người không hiểu là duyên có gì.

Đến chiều mừng một tháng Bảy, ngài vào tăng đường bảo:

“Mai này tôi sẽ đi”.

Trước khi Sư viên tịch, đại chúng thỉnh Sư lưu lại vài lời vàng ngọc cuối cùng.

Sư nói: “Phải thật tâm NIỆM PHẬT”.

Khuyên bảo các đệ tử xong, ngài an nhiên quay về hướng Tây, xưng danh hiệu Phật mà thị tịch, thọ 81 tuổi.

Hậu thế suy tôn ngài làm Tổ thứ tám của hội Liên xã.

9. Đại sư Ngẫu Ích - Tổ Liên Tông thứ chín - đời Minh

Sư họ Chung, người huyện Ngô, hiệu Trí Húc.

Thuở nhỏ, Sư chuyên học Nho, thê triệt tiêu Phật, Lão, nên làm mười bộ luận nhằm công kích Phật, Lão.

Về sau, nhân đọc tập Trúc song tùy bút và Tự tri lục của ngài Châu Hoảng, Sư liền tỉnh ngộ, đốt hết các bộ luận mà mình trước tác bài xích Phật giáo.

Năm hai mươi bốn tuổi, Sư xuất gia.

Nghe ngài Cổ Đức giảng luận Duy Thức tại chùa Vân Thê, sau đó lên núi tọa thiền.

Năm hai mươi sáu tuổi, Sư thọ Bồ Tát giới và biên duyệt Tạng luật.

Năm hai mươi tám tuổi, Sư nhiễm bệnh, quyết chí cầu sinh Tịnh Độ, lấy Thiên Thai làm tông.

Về sau, Đại Sư trụ trì trải qua các nơi:

Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thánh Khê, Trường Thủy và Tân An, rộng truyền giáo pháp Thiên Thai và môn Niệm Phật.

Thời bấy giờ, những nhà tu Thiên ở các nơi, phân đông cho pháp môn Tịnh Độ là quyền giáo;

Khi gặp người NIỆM PHẬT, tất bảo tham cứu chữ Thù.

Riêng Đại Sư lại nhận định pháp TRÌ DANH chính là tâm tông viên đốn.

Bình sanh, Sư lấy việc xem kinh tạng, trước thuật làm sự nghiệp, đã để lại cho đời những tác phẩm nổi tiếng như:

Kinh A Di Đà yếu giải 1 quyển, kinh Phạm võng huyền nghĩa 1 quyển,

Bồ Tát giới bốn tiên yếu 1 quyển, kinh Pháp Hoa huyền nghĩa tiết yếu 2 quyển, kinh Pháp Hoa hội nghĩa 16 quyển, kinh Lăng Nghiêm huyền nghĩa 2 quyển, kinh Lăng Nghiêm văn cú 10 quyển, Duyệt tạng tri tân 44 quyển, Pháp hải quán lan 5 quyển, Chu dịch thiên giải 10 quyển...

Tổng cộng hơn 40 bộ và trên 230 quyển.

Trong đó có một bộ “Tập lục” nói về pháp ngữ, vấn đáp, tự thuyết, thi kệ... của Đại Sư mà soạn thành “Linh Phong Ngẫu Ích đại sư tông luận”,

Tất cả những luận điểm của ngài đều sưu tập từ trong bộ Tông luận này.

Ngoài ra, Đại Sư còn phát huy trước tác hơn mười bộ kinh luận, dùng văn tự Bát Nhã làm công cụ độ người, như nước trăm sông đổ về biển cả.

Bút pháp của ngài trang nhã sâu sắc.

Đúng là một bậc tài đức vẹn toàn.

Sư lại dạy:

“Pháp môn Tịnh Độ không có gì kỳ lạ.

Chủ yếu chỉ là tin sâu, nguyện tha thiết và nỗ lực hành trì.

Chỉ e rằng, người mới có được chút ít niềm tin cao quý và sự an ổn, rồi thủ đắc mà buông bỏ niệm.

Nếu ngày đêm quyết định lấy mười vạn, hoặc ba vạn hay năm vạn niệm làm tiêu chuẩn, niệm không thiế.

Thề nguyện suốt đời không thay đổi, mà khi lâm chung không được vắng sanh, thì ba đời chư Phật thành vọng ngữ.

Một khi đã VẮNG SANH thì vĩnh viễn KHÔNG THOÁI CHUYỀN.

Thấu rõ được tất cả các pháp.”

Năm Thuận Trị thứ hai, vào cuối Đông, Đại Sư cảm bệnh nhẹ.

Ngài di chúc mọi việc và dặn các đệ tử, sau khi trà tỳ, phải tán nhuyễn xương trộn với bột hòa thành viên, chia thí cho loài cá chim để kết duyên Tịnh Độ với chúng.

--

Sang đầu năm, ngày 21 tháng Giêng, Đại Sư sáng dậy sớm, sắc diện tươi khỏe như người không bệnh.

Đến đúng Ngọ, ngài đoan tọa trên bồ đoàn, quay mặt về Tây, chấp tay niệm Phật mà tịch, thọ được 57 tuổi.

Ba năm sau, các môn nhơn hội lại, định y pháp làm lễ trà tỳ.

Lúc mở bảo tháp ra, thấy toàn thân Đại Sư vẫn còn nguyên vẹn.

Tóc ra dài phủ hai tai, sắc mặt tươi tỉnh như sống.

Đại chúng không nỡ tuân lời di chúc, xây tháp thờ toàn thân ở chùa Linh Phong.

10. Đại sư Triệt Lưu - Tổ Liên Tông thứ mười - đời Thanh

Hành Sách Đại Sư, tự là Triệt Lưu, người đời nhà Thanh, con của Tướng Toàn Xương, một bậc lão nho uyên bác ở vùng Nghi Hưng.

Cha ngài là bạn phương ngoại với Đức Thanh Hòa thượng, tức Hám Sơn Đại Sư.

Niên hiệu Thiên Khải thứ sáu, sau khi Hám Sơn Đại Sư thị tịch được ba năm, một đêm Tướng Toàn Xương nằm mộng thấy ngài Hám Sơn vào nhà mình.

Cũng trong đêm ấy, Hành Sách Đại sư được sinh ra, nên nhân đó ngài lại được cha đặt cho ngoại hiệu là Mộng Hám.

Đến khi khôn lớn, cha mẹ kế tiếp qua đời, ngài cảm sự thế vô thường, có ý niệm thoát tục

Năm hai mươi ba tuổi, ngài thể phát xuất gia với Nhượng Am Hòa Thượng ở chùa Lý An.

Tu hành tinh tấn không đặt lưng xuống chiếu.

Trải năm độ nắng mưa, ngài tỏ suốt nguồn chân, ngộ vào pháp tính.

Sau khi Nhượng Am Hòa Thượng thị tịch, Đại Sư trụ trì chùa Báo Ân.

Thời gian này, ngài được bạn đồng tham là Túc Am thiền sư khuyên tu Tịnh Độ.

Niên hiệu Khang Hy thứ hai, ngài cất am ở núi Pháp Hoa, bên bờ sông Tây Khê tại Hàng Châu, chuyên tu Tịnh Độ.

Nhân đó lại đặt tên chỗ ở của mình là Liên Phụ Am.

Đến năm Khang Hy thứ chín, Đại Sư trụ trì chùa Phổ Nhân ở Ngự Sơn, đề xướng thành lập Liên xã.

Học giả các nơi hưởng ứng tu tập rất đông.

Ngài từng làm bài văn khuyên phát lòng tin chân thật rằng:

“+ THƯ NHẤT PHẢI TIN:

Tâm, Phật và chúng sinh, cả ba không sai khác.

Chúng ta là Phật chưa thành,

A Di Đà là Phật đã thành.

Giác tánh đồng một vẫn không có hai.

Ta tuy điên đảo mê lầm, giác tánh chưa từng mất.

Ta tuy nhiều kiếp luân chuyển, giác tính chưa từng động.

Nên nói: Khi một niệm hồi quang đồng về nơi bản đặc là như thế.

+ *THƯ HAI PHẢI TIN:*

Chúng ta là Phật danh tự, A Di Đà là Phật cứu cánh.

Tánh tuy không khác, ngôi cách vực trời.

Nếu không chuyên niệm đức Phật kia, câu về cõi Tịnh; thì phải chịu theo nghiệp lưu chuyển, chịu khổ vô cùng!

Đây gọi là pháp thân lưu chuyển sáu nẻo, không được thành Phật, mà vẫn cam phận chúng sanh.

+ *THƯ BA PHẢI TIN:*

Chúng ta dù nghiệp sâu chướng nặng, sống lâu nơi cảnh khổ, vẫn là chúng sinh trong tâm của A Di Đà.

A Di Đà tuy muôn đức trang nghiêm an vui ở cõi Tịnh, cũng là vị Phật trong tâm của chúng ta.

Đã rõ chân tâm vốn không hai, tất biết cảm ứng tự giao tiếp.

Như đá nam châm hút sắt, việc này đâu lựa phải nghi?

Đây gọi là: Nhớ Phật, Niệm Phật, Hiện tiền hoặc Tương lai, Quyết định sẽ thấy Phật, Cách Phật chẳng xa vậy.”

Đại Sư trụ trì chùa Phổ Nhân được mười ba năm.

Niên hiệu Khang Hy thứ hai mươi mốt, ngày mừng Chín tháng Bảy, ngài thoát hóa, thọ 55 tuổi.

11. Đại sư Tĩnh Am - Tổ Liên Tông thứ mười một - đời Thanh

Đại Sư họ Thời, tự Tư Tê, hiệu Tĩnh Am, người ở đất Thường Thục.

Ngay từ thuở nhỏ, Sư đã không ăn cá thịt.

Sau khi xuất gia, Thiên, Giáo, Tánh, Tướng, pháp nào Sư cũng thông suốt.

Tại chùa Chơn Tịch, Sư đóng thất ba năm, ban ngày xem kinh tạng, tối đến trì danh hiệu Phật.

Sau khi ra thất, Sư đến Tứ Minh đánh lễ tháp A-dục vương, do lòng thành đốt ngón tay cúng dường nên cảm ứng xá-lợi phóng quang.

Nhân đó, Sư soạn Niết-bàn sám và Phát Bồ-đề tâm văn.

Ai tụng bài văn này cũng đều rơi lệ. Sư lại đốt ngón tay, phát bốn mươi tám lời nguyện trước tượng Phật.

--



**Pure Land
Practitioner**

*Copyright Drawing:
Guo Tu- C.T.MLS*

Về cuối đời, Sư ở chùa Phạm Thiên, kêu gọi thành lập Liên xã, chuyên tu tịnh nghiệp.

Niên hiệu Ung Chánh thứ hai, ngày mừng tám tháng Chạp, Đại Sư bảo chúng rằng:

“Tháng Tư sang năm ta sẽ đi xa”.

Rồi đóng cửa thất, mỗi ngày Niệm Phật mười muôn câu.

Sang năm, ngày 12 tháng 4, Đại Sư bảo môn đồ rằng:

“Từ đầu tháng đến nay, ta đã hai phen thấy Tây phương Tam Thánh.

chắc là đến lúc vãng sanh!”

Nói xong, liền làm kệ giã từ đại chúng.

Qua hôm sau, Đại Sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi thẳng yên.

Đến canh năm, Ngài tắm rửa thay y áo.

Bữa ấy tức là ngày 14, gần giờ Ngọ, Đại Sư lại nhắm mắt quay về hướng Tây ngồi yên lặng.

Hàng đạo tục các nơi nghe tin hội về đông như chợ.

Đại Sư bỗng mở mắt nói:

“Tôi về Cực Lạc, không bao lâu sẽ trở lại.

Thoát ly sống chết là việc lớn.

Mỗi người nên cố gắng thanh tịnh Niệm Phật!”

Dặn dò xong, chấp tay xưng hồng danh Phật rồi thị tịch.

Ngài thọ được 49 tuổi.

--

Huấn thị chính yếu của Sư là bản Văn Phát Bồ Đề Tâm, với lời dạy rất chí thiết:

“Niệm Phật mà không phát đại Niệm Phật thì không tương ưng với đại nguyện của đức A Di Đà.

Do đó rốt cùng không thể vãng sanh.

Nhưng nếu phát tâm Bồ đề mà không chuyên tâm niệm Phật, thì cũng không thể vãng sinh.

Do vậy, lấy việc phát Tâm Bồ Đề làm chánh nhân, Niệm Phật làm trợ duyên thì sau này mới có thể vãng sinh.

Người tu Tịnh nghiệp không thể không biết điều này.”

12. Đại sư Triệt Ngô - Tổ Liên Tông thứ mười hai - đời Thanh

Tể Tĩnh Đại Sư, tự Triệt Ngô, hiệu Nạp Đường, người đời Thanh, con nhà họ Mã ở huyện Phong Nhuận.

Thuở bé ngài đã thông thuộc kinh sử.

Nhân nhờ bị trọng bệnh, Sư liễu ngộ huyền chắt vô thường, nên phát nguyện xuất gia.

Khi bệnh thuyên giảm, Sư đến huyện Phòng Sơn xin thể phát với lão túc Vinh Trì ở am Tam Thánh.

Sau khi xuất gia, lại đi tham học các nơi, liễu đạt thông suốt tất cả Thiền, Giáo, hai tông Tánh, Tướng.

Chỗ tâm đặc nhất của ngài là chỉ thú Thập Thừa Tam Quán của kinh Pháp Hoa.

Sau đó, Sư trụ trì chùa Vạn Thọ ở Bắc Kinh, hướng dẫn chúng tham thiền, khích lệ, sách tấn hàng hậu học tu tập một cách nhiệt tình không mệt mỏi suốt mười bốn năm.

Thanh danh Sư vang khắp cả từ Bắc chí Nam.

Bình nhật, Đại Sư thường bảo:

“Ngài Vĩnh Minh nguyên là bậc tông tượng trong Thiền môn mà còn quy tâm về Tịnh Độ.

Huống ngay là thời mật pháp, chúng ta cũng phải tuân theo”.

Do đó, ngài chuyên tu Tịnh nghiệp, chủ trương Liên tông.

Mỗi ngày giới hạn thời giờ:

Dạy chúng hoặc tiếp khách nội một cây hương.

Ngoài ra, chỉ chuyên lễ sám Niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu, Đại Sư sang trụ trì chùa Giác Sanh.

Kể đó lại lui về ngụ chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn.

Tăng chúng các nơi mến đức nương về ngày càng đông, khiến chỗ ấy trở thành đại tông lâm.

Đại Sư vì pháp lợi sanh, lòng không chán mỏi, tất cả đều dùng Tịnh Độ làm chỗ quy thú.

Mỗi khi giảng đến ân cứu khổ ban vui của Như Lai, thường lệ rơi theo tiếng.

Thính chúng ngời nghe đều cảm động sa nước mắt.

Trong hai quyển Ngũ Lục của ngài, lời khuyến hóa lại càng chí thiết. Đại lược như sau:

“Chúng ta tu Tịnh Độ, lòng tin quý ở nơi sâu, chí nguyện quý ở nơi thiết.

Do tín nguyện sâu thiết, nên tất cả tà thuyết không thể lay động.

Tất cả cảnh duyên không thể kéo lôi.

*Giả sử đang khi ta Niệm Phật, bỗng Tổ Đạt Ma hiện ra bảo phải bỏ Tịnh Độ, mà tu Thiên có thể liền giác ngộ, thì cũng từ tạ, không dám tuân lời.

Hay dù đức Phật Thích Ca hiện thân bảo có pháp môn khác hơn Tịnh Độ, dạy ta phải bỏ Niệm Phật để tu môn kia, ta cũng đánh lễ mà từ khước.

Giữ vững như vậy, mới gọi là lòng tin sâu chắc.

Về phân Nguyện: Ví như có vòng sắt nóng đỏ xoay vần trên đầu, ta cũng không vì sự khổ ấy mà thoái thất chí Vãng Sinh.

Lại như có cảnh dục lạc mâu nhiệm nhất của Chuyển Luân Vương hiện đến, ta cũng không vì sự vui sướng đó mà quên tâm niệm, cầu về Cực Lạc.

Gặp những cảnh duyên nghịch- thuận cùng cực như thế mà vẫn không đổi lòng, mới gọi là Chí Nguyện tha thiết.

Lòng tin sâu, chí nguyện thiết ấy, gọi là trọng tâm.

Dùng tâm này mà Niệm Phật thì tịnh nghiệp mạnh và lần lần thành thực.

Thì chắc chắn là duyên nhiễm Ta Bà phải dứt.

Như thế, lúc lâm chung, dù có muốn cảnh luân hồi hiện ra, cảnh Tịnh Độ cùng đức A Di Đà chẳng hiện tiền, cũng không thể được.

Nhưng tín nguyện sâu thiết ấy lúc bình thời phải rèn luyện cho thành, khi lâm chung mới khỏi lạc vào nẻo khác.

Như cổ đức lúc sắp mạng chung, chư Thiên ở sáu cõi trời trời nhạc, cầm tràng phan, kể tiếp đến rước, mà vẫn cố từ chối, một lòng chờ Phật.

Đợi khi Phật hiện đến mới chịu đi.

Nếu bình thời tâm tín nguyện chưa được mười phân vững chắc, thì khi lâm chung gặp phải cảnh chư thiên ấy, làm sao tự chủ được!”

Niên hiệu Gia Khánh thứ mười lăm, vào tháng Hai, Đại Sư dự biết ngày lâm chung, chẳng còn bao xa.

Sư đi từ giã những người ngoại hộ, dặn rằng:

“Duyên hư huyền chẳng bền lâu, giờ sống thừa nên quý tiếc.

Các vị hãy cố gắng niệm Phật, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang Cực Lạc!”

Đến ngày mừng hai tháng Chạp, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, đang chí tâm niệm Phật, bỗng thấy có vô số tràng phan từ phương Tây bay đến.

Ngài liền nhìn môn đồ nói:

“Cảnh Tịnh Độ đã hiện.

Ta sắp về Tây phương Cực Lạc!”

Rồi bảo đại chúng luân phiên trợ niệm.

Sang ngày 17, vào giờ Thân, ngài nói với chúng rằng:

“Hôm qua tôi thấy ba vị đại sĩ: Văn Thù, Quán Thế Âm, và Đại Thế Chí.

Hiện giờ lại được đức Phật tự thân đến tiếp dẫn. Tôi đi đây!”

Đại chúng nghe nói, Niệm Phật càng chí thiết.

Đại Sư ngời thẳng, chấp tay hướng về hướng Tây, bảo:

“Xung một câu hồng danh, thấy một phen tướng hảo!”

Dứt lời, liền kiết ấn mà tịch.

Lúc ấy, tất cả chúng đều nghe mùi hương lạ ngào ngạt.

Để lộ khám bảy ngày, dung sắc Đại Sư tươi như sống, tóc bạc biến thành đen.

Lúc trà tỳ, được hơn một trăm hạt Xá Lợi lóng lánh.

Đại Sư thọ được bảy mươi, tăng lạp bốn mươi chín.

Đại Sư để lại một số tác phẩm quý như:

Mộng Đông thiên sư tập, Bốn cảnh (Hương Cảnh) đông lâm niệm Phật đường hữu san bản, Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật...

13. Đại sư Ấn Quang - Tổ Liên Tông thứ mười ba cuối đời Thanh - Dân Quốc

Ấn Quang Đại Sư, húy Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm.

Người khoảng cuối nhà Thanh sang kỷ nguyên Dân Quốc. Con nhà họ Triệu ở Thiểm Tây.

Thuở bé ngài học Nho, lớn lên lấy việc duy trì đạo Khổng làm trách nhiệm, nên theo thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương Tu, bài bác Phật pháp.

Ngài từng bị đau mắt khi sanh ra vừa sáu tháng.

Sau tuy lành bệnh nhưng mục lực đã suy kém.

Mắt vừa hơi đỏ thì chỉ nhìn thấy cảnh vật mờ mờ.

Khi bị bệnh, tự xét biết lỗi lầm, liền cải hối tâm niệm trước.

Niên hiệu Quang Chử thứ bảy đời Thanh, vừa sang hai mươi một tuổi, căn lành thành thực, ngài xuất gia với Đạo Thuần Hòa Thượng, tại chùa Liên Hoa Động, ở núi Chung Nam.

Tại đây, Sư chuyên cần nghiên cứu kinh điển, hiểu sâu thông suốt pháp môn Tịnh Độ, Sư nhiếp hóa hết thấy các căn cơ, tự gánh lấy trách nhiệm hoằng dương Phật pháp phổ độ quần sinh.

Sư đi du hóa khắp nơi, có lúc ở Chung Nam, Hồng Loa, Phổ Đà...

Ít lâu sau, lại được duyên thọ Đại Giới nơi chùa Song Khê, huyện Hưng An với luật sư Ấn Hải Định.

Lúc thọ giới Cụ túc, vì ngài cẩn thận và viết chữ khéo nên được cử làm chúc thư ký.

Do viết chữ quá nhiều, đôi mắt lại phát đỏ như huyết.

Lúc trước nhân khi phơi kinh được xem bộ Long Thơ Tịnh Độ, biết rõ công đức Niệm Phật, nên kỳ thọ giới này, ban đêm sau khi chúng an nghỉ, ngài vẫn ngồi Niệm Phật.

Ban ngày cho đến lúc viết chữ, tâm cũng không rời Phật.

Nhờ đó tuy đôi mắt phát đỏ, vẫn có thể gắng gượng biên chép.

Khi giới đàn vừa mãn, bệnh đau mắt cũng được lành.

Do đây, ngài biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!

Và nhân duyên này cũng là đầu mối khiến ngài quy hướng Tịnh Độ và khuyên người Niệm Phật.

Từ đó, Đại Sư tiến bước trên đường tu học trải qua các danh lam:

Tư Phước Tự, Long Tuyên Tự, Viên Quảng Tự và sau cùng đến chùa Pháp Võ ở Phổ Đà Sơn.

Năm Dân Quốc thứ mười chín, Sư đến Tô Châu sáng lập đạo tràng Tịnh Độ Linh Nham.

Vì thấy chư Tăng có người không như pháp, nên Sư phát nguyện không trụ trì chùa viện, không thu đồ chúng, không hóa duyên, cũng không mở hội niệm Phật.

Thường ngày, Sư không giao tiếp với hàng cư sĩ hay quan quyền, không cười hay nói, không phô trương công việc, không trước tác kinh sách hay sám hối công đức, mà chí khí Sư vẫn cao, hạnh vẫn tinh khiết.

Tính đến cuối đời nhà Thanh, trong hơn ba mươi năm xuất gia, Đại Sư trước sau mai danh ẩn tích, không thích cùng người tới lui giao tiếp để hôm sớm yên tu, cầu chứng Niệm Phật Tam Muội.

Có những hôm, Sư đóng cửa tịnh thất để viết thư phúc đáp, trả lời những điều vấn nạn cho bốn chúng học Phật.

Bằng ngôn ngữ tinh tế, ý nghĩa sâu xa, Sư đã để lại trăm vạn lời tốt đẹp cho hàng hậu học.

Nhờ vậy, ngày nay chúng ta có tác phẩm Ấn Quang Đại Sư Văn Sao hành thế, với lời văn và ý nghĩa biểu đạt chơn thành, dạy người sống theo luân thường đạo lý, lấy tịnh tâm làm gốc, niệm Phật cầu sinh Tây phương Cực Lạc làm mục đích.

Mỗi mỗi lời đều hợp với ý Phật ý Tổ, khéo thích hợp tùy theo từng loại căn cơ.

Dù cho hạng sơ cơ đọc tụng cũng có thể thông hiểu.

Pháp ngữ của Sư lưu truyền khắp nơi, ấn vào tâm khảm con người.

Cuối năm Dân Quốc thứ hai mươi chín, ngày 24 tháng 10, Đại Sư dự biết kỳ vắng sinh.

Sư cho triệu tập chư Tăng và cư sĩ về chùa Linh Nham.

Trong buổi hội đàm, ngài suy cử Diệu Chơn Hòa Thượng kế nhiệm trụ trì, dặn dò các việc mai sau, và bảo:

“Pháp môn Niệm Phật không có chi đặc biệt lạ kỳ.

Chỉ cần khẩn thiết chí thành thì không ai chẳng được Phật tiếp dẫn”.

Qua ngày mùng 4 tháng 11, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật.

Niệm xong, bảo đem nước rửa tay.

Rồi đứng lên nói:

“Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn. Tôi sắp đi đây.

Đại chúng phải tin - nguyện Niệm Phật, cầu về Tây Phương!”.

Nói đoạn, bước lại ghế ngồi kiết già, chấp tay trì danh theo tiếng trợ niệm của đại chúng rồi an lành viên tịch.

Lúc ấy, Đại Sư tăng lạp được sáu mươi, thể thọ tám mươi tuổi.

--

Rằm tháng Hai năm sau, nhằm thánh tiết Phật nhập Niết Bàn, cũng vừa đúng kỳ Đại Sư vắng sinh được một trăm ngày.

Hàng đạo tục các nơi hội về Linh Nham trên hai ngàn người, sắp đặt lễ trà tỳ.

Lúc ấy bầu trời hốt nhiên sáng tạnh trong trẻo.

Khi Chân Đạt Hòa Thượng cầm đuốc cử hỏa, khói bay lên trắng như tuyết, hiện ra ánh sáng năm sắc.

Hôm sau Diệu Chơn Hòa Thượng cùng đại chúng đến nơi khám nghiệm, thấy xá lợi hiện ra nhiều hình dáng, đủ các màu, có thứ gồm ngũ sắc.

Tất cả đều cứng như khoáng chất, gõ vào phát ra tiếng trong thanh.

Đại chúng lựa chia thành sáu phân:

1. Nha xỉ xá lợi: gồm ba mươi hai cái răng.

2. Ngũ sắc xá lợi châu: nhiều hạt tròn sáng.
 3. Ngũ sắc tiểu xá lợi hoa: hình như các đóa hoa nhỏ.
 4. Ngũ sắc đại xá lợi hoa: hình như những đóa hoa lớn.
 5. Ngũ sắc huyết xá lợi: do huyết nhục hóa thành.
 6. Ngũ sắc xá lợi khối: gồm những khối có nhiều hình dáng, màu sắc
- Tất cả đều để vào lòng kiếng, trân tàng tại bản sơn.

-Hết trích sách-

--

Khi đọc được những công hạnh cao thượng, tốt đẹp của 13 vị tổ của Tịnh Độ tông này, chúng ta đều cảm phục và có ý định phát tâm học tập theo gương sáng của các Ngài.

Mục đích là sống đời an lạc, ý nghĩa, có ích, không bị đi lạc vào đường tà và cuối đời là được vắng sinh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà.

Sưu tầm: **Huy Khiêm**

Tranh: **Guo Tu-C.T MLS**